

BÁO CÁO

**Công khai số liệu thuyết minh tình hình thực hiện
dự toán ngân sách nhà nước Quý I năm 2021**

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 1666/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình “ về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2020”

Phòng công chứng số 1 báo cáo như sau:

I. Công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách nhà nước Quý I năm 2021

1. Nội dung công khai

Công khai thực hiện dự toán thu - chi ngân sách quý I năm 2021 theo Biểu số 3 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính

2. Hình thức công khai: Niêm yết công khai trên Website của Sở Tư pháp tỉnh Ninh Bình (sotuphap.ninhbinh.gov.vn); Trụ sở làm việc của đơn vị .

3. Thời điểm công khai: Ngày 03/4/2021

II. Thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước quý I năm 2021

1. Tổng số thu, chi, nộp ngân sách:

a, Thu phí công chứng: 172.740.000đ đạt 0,34% so với dự toán giao và đạt 1,6% so với cùng kỳ năm 2020

b, Nộp ngân sách NN: 69.096.000đ đạt 0,34% so với dự toán giao và đạt 1,3% so với cùng kỳ năm 2020

c, Chi: 5.000.000đ đạt 0,05% so với dự toán giao

2. Dự toán chi ngân sách nhà nước

a. Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ

- Kinh phí được giao trong năm 2021: 1.009.000.000đ

- Kinh phí đã sử dụng đến hết quý I/2021: 238.677.438 đạt 0,23% so với dự toán giao và đạt 0,95% so với cùng kỳ năm 2020

b. Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ

- Kinh phí được giao trong năm 2021: 74.000.000đ

- Kinh phí đã sử dụng đến hết quý I/2021: 11.000.000đ

Trên đây là thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước, phí công chứng quý I năm 2021 của Phòng công chứng số 1 tỉnh Ninh Bình./.

Nơi nhận:

- Website STP;
- Lưu KT, VT



**TRƯỞNG PHÒNG
LẠI THỊ ÁNH DƯƠNG**

Biểu số 3 - Ban hành kèm theo Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính

Đơn vị: PHÒNG CÔNG CHỨNG SỐ 1

Chương: 414

**ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ I
NĂM 2021**

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Thực hiện 3 tháng	So sánh (%)	
				Dự toán	Cùng kỳ năm trước
1	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách lệ phí	500.000.000	172.740.000	0,34%	1,66%
1	Số thu phí, lệ phí	500.000.000	172.740.000	0,34%	1,66%
1.1	Lệ phí				
-	Phí công chứng	500.000.000	172.740.000	0,34%	1,66%
2	Nguồn thu phí được để lại để chi:	300.000.000	103.644.000	0,34%	
+	Nguồn phí năm nay	300.000.000	103.644.000	0,34%	
+	Nguồn phí năm 2020 chuyển sang	250.000.000	250.000.000	1%	
2.1	Chi từ nguồn thu phí được để lại	550.000.000	353.644.000	0,64%	
-	Tiền lương	214.000.000			
-	Thanh toán dịch vụ công	10.000.000			
-	Văn phòng phẩm	12.000.000			
	Vật tư Văn phòng	5.000.000			
-	Công tác phí	25.200.000			
-	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn	30.000.000			
-	Chi tiếp khách	18.800.000			
-	Thuê nhà	30.000.000			
-	Chi khác	105.000.000			
-	Quỹ phúc lợi	100.000.000	5.000.000	0,05%	
2.1	Chi sự nghiệp				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2.2	Chi quản lý hành chính				

a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
3	Số phí nộp NSNN	200.000.000	69.096.000	0,34%	1,32%
3.1	Phí	200.000.000	69.096.000	0,34%	1,32%
	Phí công chứng	200.000.000	69.096.000	0,34%	1,32%
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	1.083.000.000	249.677.438	0,02%	1,00%
1	Chi quản lý hành chính	1.009.000.000	238.677.438	0,23%	0,95%
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	1.009.000.000	238.677.438	0,23%	0,95%
-	Chi tiền lương	401.000.000	150.040.020	0,99%	0,99%
-	Chi phụ cấp chức vụ	25.000.000	6.258.000	1,00%	1,00%
-	Chi phụ cấp trách nhiệm nghề	52.000.000	12.746.205	0,24%	0,99%
-	Chi phụ cấp làm thêm giờ	175.000.000	16.228.000	0,99%	0,93%
-	Phụ cấp khác	4.000.000			
-	Các khoản khác	20.000.000			
-	BHXH	111.700.000	27.352.154	0,24%	0,99%
-	Chi BHYT	19.100.000	4.688.940	0,24%	0,99%
-	Chi KPCĐ	12.800.000	3.126.400	0,24%	0,99%
-	Chi BHTN	6.400.000	1.087.819	0,21%	0,99%
-	Chi BH nghề cho ccv	20.000.000			
-	Chi tiền điện	6.000.000	412.200	0,06%	0,31%
-	Tiền nước	6.000.000			
-	Chi văn phòng phẩm	6.000.000			
-	Chi mua vật tư VP	6.000.000			
-	Chi tiền cước điện thoại	6.600.000	22.000	0,03%	0,18%
	Chi tiền cước internet	3.000.000			
-	Tiền vé máy bay, tàu xe	5.000.000			
-	Phụ cấp công tác phí	8.000.000			
-	Tiền thuê phòng ngủ	12.000.000			
-	Chi công tác phí	25.200.000	12.200.000	0,48%	0,96%
-	Các thiết bị công nghệ thông tin	10.000.000			
-	Sửa chữa TS và thiết bị VP	10.000.000			

-	Chi mua hàng hóa vật tư	12.000.000			
-	Chi phí hoạt động nghiệp vụ	10.000.000			
-	Chi khác	7.000.000			
-	Chi tiếp khách	18.000.000			
-	Chi khác	3.200.000	95.700	0,02%	0,01%
-	Chi kỷ niệm các ngày lễ lớn	8.000.000	4.420.000	0,55%	1.63%
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	74.000.000	11.000.000	0,14%	
-	Tiền bảo vệ	36.000.000	9.000.000	0,25%	
-	Mua phí bảo trì phần mềm công nghệ TT	2.000.000	2.000.000	1%	
-	Mua sắm máy scan	11.000.000			
-	Mua máy vi tính	13.000.000			
-	Phần mềm QL viên chức	12.000.000			

Người lập



Ngày 15 tháng 4 năm 2021

Thủ trưởng đơn vị



TRƯỞNG PHÒNG
LẠI THỊ ÁNH DƯƠNG